

Số: 1328/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Tờ trình số 2015/TTr-BNV ngày 10 tháng 5 năm 2021 phê duyệt Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

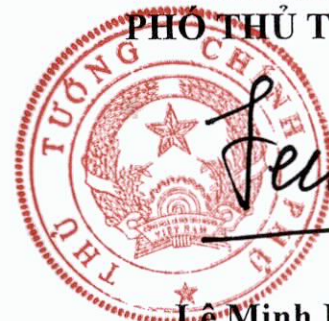
Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 105/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, TCCV, QHĐP, PL, CN;
- Lưu: VT, NN (3b). 108

**KT.THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG****Lê Minh Khái**



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số: 1328/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, qua hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển, kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã đã đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Liên minh Hợp tác Việt Nam là tổ chức đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và tổ chức khác tự nguyện tham gia; thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Cooperative Alliance.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VCA.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là tổ chức đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã tự nguyện tham gia (sau đây gọi chung là thành viên); bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên, được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, giữ vai trò nòng cốt và thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, làm cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với thành phần kinh tế tập thể, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở, biểu tượng

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, hoạt động theo pháp luật Việt Nam và Điều lệ này.

2. Trụ sở của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đặt tại thành phố Hà Nội - Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có biểu tượng riêng, được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi hoạt động

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước.

2. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; được gia nhập làm thành viên của các tổ chức tương ứng trong khu vực và quốc tế theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Chấp hành chủ trương của Đảng, tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ này.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thường xuyên của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, thống nhất mục tiêu và hành động.

4. Hợp tác và liên kết vì sự phát triển bền vững của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và cộng đồng.

5. Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh) được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Chương II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Điều 6. Chức năng

1. Đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên; đại diện cho các thành viên trong quan hệ với các tổ chức ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

3. Đề xuất, kiến nghị tham gia xây dựng chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các chương trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

4. Tư vấn, hỗ trợ, thực hiện dịch vụ công và hoạt động kinh tế phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; thúc đẩy xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, bền vững trong các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

5. Tập hợp, liên kết, hướng dẫn các thành viên hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển; chung sức xây dựng hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phát triển bền vững.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Tổ chức tuyên truyền, thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

2. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên, tổ chức xã hội khác để xây dựng, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; thực hiện việc giám sát và phản biện xã hội liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn các thành viên thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

4. Phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức tham gia xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

5. Tập hợp ý kiến, nguyện vọng của các thành viên để kiến nghị, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền ở trung ương và địa phương.

6. Nhận ủy quyền, thay mặt thành viên thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên theo quy định pháp luật.

7. Tập hợp, vận động phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động hiệu quả trong các lĩnh vực, ngành nghề và địa phương trên phạm vi cả nước. Tổ chức nghiên cứu và thử nghiệm triển khai và chuyển giao các mô hình kinh doanh mới; hỗ trợ phát triển mạng lưới tổ chức và thành viên trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

8. Tổ chức hoạt động tư vấn, hỗ trợ, cung cấp dịch vụ công cho các thành viên về pháp lý, đầu tư, khoa học và công nghệ, đào tạo, thông tin, tài chính, tín dụng, thị trường, kiểm toán, bảo hiểm, kiểm định chất lượng hàng hóa và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức hoạt động kinh tế vì mục tiêu phát triển hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và hỗ trợ thành viên; huy động nguồn lực hợp pháp trong nước và nước ngoài để đầu tư phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

10. Tham gia các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, phát triển quan hệ hợp tác với tổ chức ở các nước theo quy định của pháp luật; tiếp nhận và tổ chức thực hiện chương trình, dự án hỗ trợ, viện trợ để phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

11. Tập hợp, liên kết phát triển thành viên; củng cố, đổi mới tổ chức và hoạt động; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ cán bộ và tổ chức phong trào thi đua trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

12. Phối hợp với cấp ủy và chính quyền cấp tỉnh về tổ chức và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh; xây dựng, thực hiện các giải pháp, chương trình, kế hoạch và đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

13. Thực hiện các nhiệm vụ trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được Đảng và Nhà nước, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương giao hoặc ủy nhiệm.

14. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III THÀNH VIÊN

Điều 8. Thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có thành viên chính thức, thành viên liên kết và thành viên danh dự.

2. Thành viên chính thức là các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp đại diện các hợp tác xã theo lĩnh vực, ngành nghề, các tổ chức kinh tế liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn cả nước tự nguyện gia nhập và tán thành Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Thành viên liên kết là các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, hiệp hội, cơ quan nghiên cứu khoa học, trường đào tạo và tổ chức khác (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) trên địa bàn cả nước tự nguyện gia nhập và tán thành Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

4. Thành viên danh dự là những công dân, tổ chức của Việt Nam có uy tín và có nhiều đóng góp vào việc thực hiện nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

5. Thành viên của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh là thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện và thủ tục gia nhập thành viên do Ban Chấp hành Liên minh hợp tác xã Việt Nam quy định, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 9. Quyền của thành viên

1. Được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam:

- a) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật;
- b) Hỗ trợ, tư vấn và cung cấp dịch vụ nhằm tạo điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh; giúp đỡ khi gặp khó khăn;
- c) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và người lao động của thành viên theo quy định của pháp luật;
- d) Cung cấp thông tin liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- đ) Khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia các hoạt động:

- a) Thảo luận, đề xuất, kiến nghị vấn đề về chính sách, pháp luật có liên quan và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- b) Tham gia vào hoạt động kinh tế của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật;
- c) Hoạt động khác do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức.

3. Đại diện thành viên chính thức được bầu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; ứng cử, đề cử, bầu cử vào Ban Chấp hành và Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; thảo luận các công việc khác của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

4. Thôi là thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam khi có văn bản đề nghị và theo quy định của Điều lệ này.

Điều 10. Nghĩa vụ của thành viên

1. Chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, Nghị quyết và các quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Tham gia các hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; đoàn kết, hợp tác với các thành viên để thực hiện mục tiêu và lợi ích chung.

3. Bảo vệ uy tín của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; không được nhân danh Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ủy quyền bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ báo cáo, thông tin theo quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

5. Đóng hội phí theo quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 11. Chấm dứt thành viên

1. Thành viên chấm dứt khi:

a) Giải thể;

b) Phá sản;

c) Tự nguyện thôi là thành viên;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Sau khi thôi là thành viên, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện hết nghĩa vụ, nhiệm vụ hoặc cam kết (nếu có) chưa hoàn thành trong thời gian là thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của thành viên liên kết, thành viên danh dự

Thành viên liên kết, thành viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như thành viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ủy ban Kiểm tra của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Tổ chức bộ máy

Tổ chức bộ máy của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, bao gồm:

1. Đại hội đại biểu toàn quốc.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.
4. Thường trực (gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch).
5. Ủy ban Kiểm tra.
6. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 14. Đại hội đại biểu toàn quốc

1. Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc được tổ chức theo nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đề nghị. Đại hội do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam triệu tập.

3. Đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

4. Nhiệm vụ của Đại hội

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ nhiệm kỳ tới;

b) Thảo luận và thông qua Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực và Ủy ban Kiểm tra;

c) Thảo luận và thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có);

d) Bầu Ban Chấp hành; Ủy ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

5. Nguyên tắc biểu quyết của Đại hội

a) Đại hội biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Nghị quyết hoặc các quyết định của Đại hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;

c) Việc sửa đổi Điều lệ phải được trên 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giữa hai kỳ Đại hội, do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành

- a) Tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội và Điều lệ;
- b) Lãnh đạo và thông qua việc chuẩn bị nội dung Đại hội; triệu tập Đại hội theo quy định của Điều lệ;
- c) Quyết định chiến lược, chương trình và kế hoạch dài hạn, trung hạn, danh mục đề án và phương án thuộc nhiệm vụ hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định;
- d) Thông qua báo cáo công tác hằng năm và quyết định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của năm liền kề;
- đ) Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực, Ủy ban Kiểm tra và Quy chế thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- e) Bầu Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;
- g) Bầu bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra giữa hai kỳ Đại hội;
- h) Quy định tiêu chuẩn, điều kiện và thủ tục kết nạp thành viên; điều kiện và thủ tục chấm dứt thành viên;
- i) Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của Ban Chấp hành.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

- a) Chấp hành và hoạt động theo chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế của Ban Chấp hành;
- b) Ban Chấp hành họp thường kỳ 02 lần/năm vào khoảng thời gian giữa năm và cuối năm; Ban Chấp hành họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gửi văn bản lấy ý kiến của các Ủy viên Ban Chấp hành theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành;

c) Cuộc họp của Ban Chấp hành hợp lệ, khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp;

d) Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành; hình thức biểu quyết bằng giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, do hội nghị quyết định. Trường hợp số Ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

đ) Khi Ủy viên Ban chấp hành không còn giữ chức vụ trong tổ chức được cơ cấu bầu Ban Chấp hành thì đương nhiên không là Ủy viên Ban Chấp hành.

Điều 16. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ là cơ quan lãnh đạo của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ bao gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên; số lượng, cơ cấu và tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định; nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội và Điều lệ; tổ chức thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành;

b) Hướng dẫn xây dựng quy chế, tổ chức bộ máy và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung hội nghị Ban Chấp hành và Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

d) Triệu tập các kỳ họp thường kỳ và bất thường của Ban Chấp hành;

đ) Quyết định việc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tham gia tổ chức trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của Ban Chấp hành.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Chấp hành và hoạt động theo chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế do Ban Chấp hành ban hành;

b) Ban Thường vụ họp thường kỳ 03 tháng một lần vào khoảng thời gian cuối mỗi quý; Ban Thường vụ họp bất thường khi có yêu cầu của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gửi văn bản lấy ý kiến của các Ủy viên Ban Thường vụ theo quy chế hoạt động do Ban Chấp hành ban hành;

c) Cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ dự họp;

d) Nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành; hình thức biểu quyết bằng giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, do Ban Thường vụ quyết định; trường hợp số Ủy viên Thường vụ biểu quyết tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 17. Thường trực

1. Thường trực gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực

a) Điều hành, giải quyết công việc hằng ngày, thường xuyên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và vấn đề phát sinh đột xuất thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ giữa hai kỳ họp; báo cáo Ban Thường vụ tại kỳ họp gần nhất;

b) Chuẩn bị nội dung, chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Thường vụ;

c) Triệu tập các kỳ họp thường kỳ và bất thường và Ban Thường vụ;

d) Chủ động phối hợp với các ban, bộ, ngành và tổ chức đoàn thể trung ương thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã;

đ) Chủ trì, chủ động phối hợp với cấp ủy và chính quyền cấp tỉnh để xây dựng, thực hiện kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và giải pháp phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; phối hợp công tác tổ chức và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh;

e) Quyết định việc phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật; huy động nguồn lực hợp pháp phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

g) Tổ chức, quản lý các ban giúp việc và tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

h) Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát và tạo điều kiện cho hoạt động của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh và thành viên;

i) Đại diện cho Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tại các cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ.

2. Chủ tịch là người đại diện pháp luật của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch

a) Thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động do Ban Chấp hành ban hành;

b) Chịu trách nhiệm trước Đảng và Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; chỉ đạo, điều hành hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của Điều lệ, Nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định và quy chế của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực;

c) Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị và chủ trì các phiên họp của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; chỉ đạo chuẩn bị và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực và theo thẩm quyền ký các văn bản thuộc chức năng, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

đ) Phân công các Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, lĩnh vực, công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

e) Khi Chủ tịch vắng mặt, việc chỉ đạo và điều hành giải quyết công việc được ủy quyền bằng văn bản cho 01 Phó Chủ tịch.

4. Các Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công việc theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực, công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực và phân công của Chủ tịch.

Điều 19. Ủy ban Kiểm tra

1. Ủy ban Kiểm tra do Đại hội bầu. Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra do Ban Chấp hành bầu. Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra là Ủy viên Ban Thường vụ. Nhiệm kỳ của Ủy ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Việc bầu bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban kiểm tra giữa hai kỳ Đại hội do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quyết định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội và Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; giám sát thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; kiểm tra, giám sát việc quản lý tài chính của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (trừ kinh phí ngân sách nhà nước cấp);

b) Hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, đôn đốc, tiếp nhận và tổng hợp báo cáo công tác của Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh; phân công, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh để thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành;

c) Kiến nghị với Ban Chấp hành các hình thức kỷ luật đối với tập thể và cá nhân khi có sai phạm;

d) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên;

đ) Giải quyết, đề xuất, kiến nghị giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và đề xuất của Ủy ban Kiểm tra.

3. Nguyên tắc làm việc của Ủy ban Kiểm tra

Ủy ban Kiểm tra chịu sự chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành; các nghị quyết và quyết định của Ủy ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ủy ban Kiểm tra biểu quyết tán thành.

Điều 20. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm Thường trực, Văn phòng, các ban chuyên môn, tổ chức có tư cách pháp nhân thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng, văn phòng đại diện, các ban chuyên môn, các đơn vị và tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và quy định của Thường trực.

Điều 21. Hội đồng tư vấn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Hội đồng tư vấn gồm các chuyên gia, nhà khoa học và nhà quản lý có trình độ, hiểu biết, năng lực và tâm huyết về kinh tế tập thể, hợp tác xã. Hội đồng tư vấn có nhiệm vụ tư vấn cho Ban Thường vụ, Thường trực triển khai thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ. Ban Thường vụ quyết định tổ chức và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn.

Chương V LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ CẤP TỈNH

Điều 22. Tổ chức và hoạt động

1. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh được thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy, sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Tổ chức và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh thực hiện theo Điều lệ Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Điều lệ Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh thống nhất về nội dung, hình thức và hiệu lực thi hành của Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Tổ chức bộ máy của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh, bao gồm: Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu thành viên; Ban Chấp hành; Ban Thường vụ; Thường trực, phòng, ban giúp việc và tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc; Ủy ban Kiểm tra.

4. Đại hội Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh

a) Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh tổ chức Đại hội theo nhiệm kỳ Đại hội Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; việc tổ chức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu thành viên do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quyết định;

b) Đại hội Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ phù hợp với quy định tại Điều 14 Điều lệ này và thảo luận, đóng góp ý kiến vào văn kiện của Đại hội Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Điều lệ (sửa đổi), bầu đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

5. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ.

6. Ủy ban Kiểm tra do Đại hội bầu. Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh do Ban Chấp hành bầu. Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra là Ủy viên Ban Thường vụ. Nhiệm kỳ của Ủy ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Việc bầu bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban kiểm tra giữa hai kỳ Đại hội do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh quyết định. Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành cấp tỉnh ban hành, phù hợp với quy định do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ban hành và Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

7. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trước và sau khi bầu Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.

8. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh, bao gồm:

- a) Thường trực;
- b) Các phòng, ban giúp việc;
- c) Tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc.

9. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh có thể thành lập Hội đồng tư vấn.

Điều 23. Tài sản, tài chính

Tài sản, tài chính của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh áp dụng theo quy định tại các Điều 24, Điều 25 Điều lệ này.

Chương VI TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 24. Tài sản, tài chính của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, bao gồm: trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản hợp pháp khác của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc. Các tài sản này được hình thành từ kinh phí nhà nước cấp, hỗ trợ; kinh phí thu từ hoạt động kinh tế và dịch vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc theo quy định của pháp luật và các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài viện trợ, tài trợ, tặng theo quy định của pháp luật.

2. Tài chính

a) Các khoản thu, bao gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao và tạo điều kiện để hoạt động theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.
- Hội phí do thành viên đóng góp.
- Thu từ hoạt động kinh tế và dịch vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các đơn vị trực thuộc.
- Các hoạt động gây quỹ, khoản đóng góp, ủng hộ, viện trợ, tài trợ, tặng của các thành viên, tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi, bao gồm: chi các hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 25. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng

Thành viên, tổ chức và cá nhân thuộc hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức và cá nhân liên quan có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và xây dựng hệ thống tổ chức Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng theo quy định.

Điều 27. Kỷ luật

Tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam vi phạm Điều lệ, Nghị quyết Đại hội, quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và pháp luật, gây ảnh hưởng đến uy tín, thiệt hại về vật chất cho Liên minh Hợp tác xã Việt Nam bị xem xét kỷ luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả và bồi thường theo quy định.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn thi hành Điều lệ này.
2. Thành viên, tổ chức và cá nhân thuộc hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ do Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quyết định.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm 08 Chương, 29 điều, được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ký ban hành quyết định phê duyệt./.